

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai Quyết toán thu - chi ngân sách xã năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ TÂN HỒNG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015.

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Nghị quyết số 22/NQ-HĐND, ngày 14/07/2022 của HĐND xã về việc Quyết định phê duyệt quyết toán thu- chi ngân sách xã năm 2021.

Xét đề nghị của ông kế toán ngân sách xã Tân Hồng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu Quyết toán thu- Chi ngân sách xã năm 2021 của UBND xã Tân Hồng (theo các biểu mẫu kèm theo Quyết định này)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng UBND xã, kế toán ngân sách xã Tân Hồng tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính huyện
- Đảng ủy xã
- HĐND xã
- Các đoàn thể ở xã
- Bí thư chi bộ, trưởng phó thôn.
- Lưu VP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH



Vũ Huy Cường

Tân Hồng, ngày 20 tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO
VỀ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI
NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

Căn cứ Công văn số: 1005/STC- KHNS ngày 09/05/2017 của Sở Tài chính tỉnh Hải Dương về việc hướng dẫn thực hiện công khai NSNN đối với các cấp ngân sách.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy- thường trực HĐND xã- ủy ban MTTQ xã về việc thông báo công khai quyết toán thu- chi ngân sách xã năm 2021.

Thực hiện Nghị quyết số 22/NQ- HĐND, ngày 14 tháng 7 năm 2022 của HĐND xã tại kỳ họp thứ ba khóa XX về việc phê duyệt quyết toán thu- Chi ngân sách xã năm 2021.

UBND xã Tân Hồng đã tiến hành lập báo cáo công khai Quyết toán thu- chi ngân sách xã năm 2021, bằng nhiều hình thức:

- 1- Gửi Ban chấp hành Đảng bộ- Các ông bà Đại biểu HĐND xã, các trưởng ban ngành đoàn thể và các ông bà Bí thư chi bộ, trưởng phó thôn khu dân cư.
 - 2- Niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã từ ngày 20/07/2022 đến ngày 20/08/2022.
 - 3- Thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã ngày hai lần sáng và chiều.
- Với số liệu thu- chi ngân sách xã trong năm 2021, cụ thể như sau:

Biểu số: 108/CK- TC/NSNN

CÂN ĐỐI THU- CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021
(Đã được HĐND xã Quyết định ngày 14/07/2022)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung thu	Quyết toán	TT	Nội dung chi	Quyết toán
	Tổng số thu	79.760.566.344		Tổng số chi	79.760.566.344
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	512.486.400	I	Chi đầu tư phát triển	71.895.856.502
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	33.511.895.169	II	Chi thường xuyên	6.500.145.344
III	Thu bổ sung	44.858.791.200	III	Chi chuyển nguồn	923.157.375
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.640.806.000	IV	Chi kết dư ngân sách	441.407.123
2	Bổ sung có mục tiêu	40.217.985.200			
IV	Thu chuyển nguồn	877.393.575			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Đã được HĐND xã Quyết định ngày 14/07/2022)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG THU	Dự toán NĂM 2021	THỰC HIỆN năm 2021	% So sánh ĐT/TH
	Tổng thu	5.084.000.000	79.760.566.344	1.568,85
I	Các khoản thu xã hưởng 100%	125.000.000	1.389.879.975	409,99
1	Phí, lệ phí chứng thực	25.000.000	25.428.000	101,71
2	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công ích(3901)	30.000.000	41.690.400	138,97
3	Thu hoa lợi công sản từ quỹ đất công (3902)		346.012.000	
4	Thu chuyển nguồn NS 2020 chuyển sang		877.393.575	
5	Thu vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng		29.500.000	
6	Thu khác (thu lệ phí chợ + Cột phát sóng VT)	70.000.000	69.856.000	99,79
7	Kết dư ngân sách năm 2020 sang			
II	Các khoản phân chia theo tỷ lệ %	260.600.000	33.511.895.169	12.859,51
1	Thuế đất phị nông nghiệp	65.000.000	64.676.031	99,50
2	Thu tiền sử dụng đất (Nhà nước thu hồi)		32.581.566.302	
3	Thuế môn bài từ hộ cá nhân ,hộ kinh doanh	4.000.000	5.300.000	132,50
4	Thuế VAT từ hoạt động hàng SXKD cá nhân	28.000.000	27.451.581	98,04
5	Thuế thu nhập từ hoạt động hàng SXKD cá nhân	13.600.000	226.553.117	1.665,83
6	Lệ phí trước bạ nhà đất	150.000.000	606.348.138	404,23
III	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	4.698.400.000	44.858.791.200	870,38
1	Bổ sung cân đối ngân sách	4.497.600.000	4.640.806.000	103,18
2	Bổ sung có mục tiêu	200.800.000	40.217.985.200	20.028,88

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Đã được HĐND xã Quyết định ngày 14/07/2022)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG CHI	Dự toán năm 2021 đã BS	THỰC HIỆN năm 2021	% S/S DT/TH
	TỔNG CHI	6.535.964.000	79.760.566.344	
I	Chi đầu tư phát triển + XDCB		71.895.856.502	
1	Chi Đầu tư và xây trường học		4.017.858.000	
2	Chi XD đường GTNT		27.447.348.000	
3	Chi lập điều chỉnh cục bộ quy hoạch XDNTM lần 2		293.241.000	
4	Chi đầu tư phát triển (Hạ tầng KDCM Mỹ Cầu đông)		14.710.588.400	
5	Chi đầu tư phát triển (Hạ tầng KDCM Trạch Xá)		14.734.471.102	
6	Trụ sở, nhà văn hóa		10.660.256.000	
7	Sửa chữa trạm y tế xã		32.094.000	
II	CHI THƯỜNG XUYÊN	6.535.964.000	6.500.145.344	94,68
1	Chi cho công tác dân quân tự vệ + An ninh trật tự	418.000.000	417.117.953	99,79
	- BCH Quân sự xã + Chi dân quân tự vệ	301.000.000	300.677.953	99,89
	- Chi an ninh, công An Viên trật tự	117.000.000	116.440.000	99,52
2	Chi sự nghiệp văn hoá	71.500.000	71.241.000	99,64
3	Chi sự nghiệp thông Tin Truyền thanh	52.000.000	51.248.000	98,55
4	Chi sự nghiệp kinh tế	76.706.000	73.428.000	95,73
5	Sự nghiệp môi trường	660.000.000	659.343.000	99,90
6	Chi sự nghiệp Xã hội	218.000.000	217.458.000	99,75
	- Trong đó chi cán bộ hưu xã	161.000.000	160.788.000	99,87
	- Chi các đối tượng gia đình chính sách TB.LS	57.000.000	56.670.000	99,42
7	Sự nghiệp Xứng dụng đời sống ở khu dân cư	25.000.000	25.000.000	100,00
8	Chi Quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	4.974.258.000	4.946.863.391	99,45
8.1	Quản lý nhà nước HĐND xã + UBND xã	3.738.258.000	3.720.428.279	99,52
8.2	Đảng Công Sản Việt Nam	607.000.000	606.669.814	99,95
8.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	191.500.000	191.346.898	99,92
8.4	Đoàn thanh niên cộng Sản HCM	58.000.000	54.750.400	94,40
8.5	Hội liên hiệp phụ nữ	121.000.000	120.953.500	99,96
8.6	Hội cựu chiến Binh	99.500.000	99.315.500	99,81
8.7	Hội nông dân	82.000.000	81.877.000	99,85
8.8	Hỗ trợ Hội chữ thập Đỏ	25.000.000	24.922.000	99,69
8.9	Hỗ trợ Người cao tuổi	32.000.000	30.362.000	94,88
8.10	Hỗ trợ hội khuyến học + GD cộng đồng	20.000.000	16.238.000	81,19
9	HIỆP HỘI KHÁC	40.500.000	38.446.000	94,93
10	Chi chuyển nguồn		923.157.375	
11	Chi kết dư ngân sách		441.407.123	

BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ NỢ XDCB TRONG NĂM 2021
(Đã được HĐND xã Quyết định ngày 14/07/2022)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Tên công trình	NXD	Tổng đầu tư	Đã thanh toán	Nợ đọng
I	Khôi giáo dục				
1.	Xây mới lớp học 2 T- 8 P trường Mầm Non	2009	4.492.146	4.051.816	440.330
2.	Xây mới lớp học 3 T- 6 P trường Tiểu Học	2017	3.826.046	3.685.353	140.693
3.	XD vỉa hè, rãnh thoát nước, nhà mái tre Trường MN và trường THCS	2019	1.282.525	1.129.021	153.504
4.	Cải tạo các phụ trợ TTHCS: Lát gạch sân Tr	2019	1.208.637	1.158.483	50.154
5.	Xây nhà vệ sinh học sinh trường Tiểu Học	2020	1.445.962	1.335.814	110.148
6.	Trường THCS; Phá dỡ nhà LH 2T- 6P	2020	5.497.602	4.520.176	977.426
7.	Trường Tiểu Học; Làm mới nhà cầu thép, Sửa chữa nhà lớp học	2020	1.210.228	1.085.535	124.693
8.	Nâng cấp, cải tạo và XD 1 số hạng mục công trình trường THCS	2021	6.043.595	1.675.709	4.367.886
	Cộng		25.006.741	18.641.907	6.364.834
II	Đường giao thông				
1	Đường BT từ cổng UBND xã đi đường 392	2013	1.957.000	1.535.000	422.000
2	Đường GT từ nhà VH Mộ Trạch đi Đ/394	2018	1.950.931	1.879.449	71.482
3	Đường GT Trạch Xá giáp nghĩa trang LS	2018	1.103.608	991.017	112.591
4	Đường trục xã(Cửa miếu thôn Mộ Trạch)	2019	3.734.682	3.680.808	53.874
5	Đường GT thôn Trạch Xá giáp làng	2019	2.157.483	1.819.671	337.812
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã; HM: Tường kê, vỉa hè, cống chào, chiếu sáng	2021	8.567.224	7.462.060	1.105.164
7	Đường GT xã Tân Hồng; T1: My Cầu Tây; T2: Thôn Trạch Xá đi thôn Quang Tiến	2021	4.508.674	3.990.172	518.502
8	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường làng Tiến sỹ Mộ Trạch(Giai đoạn 1)	2021	14.937.008	12.098.703	2.838.305
9	Đường Nghinh thôn Trạch Xá(di nghĩa địa)	2021	1.128.490	1.011.434	117.056
10	Đường GT xã Tân Hồng; T1: Đường Tuyến Cũ; T2: Đường quanh giếng My Cầu; T3: Từ thôn My Cầu sang khu DCM Cống sơn	2021	4.844.611	210.717	4.633.894
	Cộng		44.889.711	34.679.031	10.210.680
III	Trụ sở làm việc UBND xã				
1	Trụ sở ĐU- HĐND- UBND xã; HM: Cải tạo nhà làm việc	2021	6.609.346	5.763.823	845.523
2	Cải tạo các hạng mục phụ trợ trụ sở ĐU- HĐND- UBND xã	2021	6.898.562	4.896.433	2.002.129
	Cộng		13.507.908	10.660.256	2.847.652
	Cộng XD các công trình và nợ đọng chót 31/01/2022		83.404.360	63.981.194	19.423.166


CHỦ TỊCH
VŨ HUY CƯỜNG